



BẢN TIN

Tài nguyên nước

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC





Quốc hội thông qua Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi)

Chiều 17-11, với 443 đại biểu biểu quyết tán thành (chiếm 91,91% tổng số đại biểu Quốc hội), Quốc hội chính thông qua Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) gồm 16 Chương, 171 Điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-2022.

Riêng nội dung về đánh giá sơ bộ tác động môi trường được quy định trong Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 1-2-2021.

MỌI NGƯỜI DÂN ĐƯỢC SỐNG TRONG MÔI TRƯỜNG TRONG LÀNH

Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) phản ánh sự thay đổi mạnh mẽ trong tư duy quản lý môi trường thông qua thể chế hóa được chính sách phát triển dựa trên quy luật tự nhiên, không hy sinh môi trường để đổi lấy tăng trưởng kinh tế; bảo vệ môi trường (BVMT) không chỉ là phòng ngừa, kiểm soát, xử lý chất thải; các hoạt động sản xuất, phát triển phải hài hòa với tự nhiên, khuyến khích bảo vệ và phát triển tự nhiên. Đồng thời, Luật cũng đặt ra các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường nhằm thực hiện mục tiêu bảo đảm người dân Việt Nam được hưởng chất lượng môi trường ngang bằng với các nước trên thế giới, hài hòa với quy định của quốc tế để góp phần thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Do vậy, Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) được thông qua chính là cụ thể hoá lời hứa, cam kết của Chính phủ trước những mong muốn của cử tri, đại biểu Quốc hội về công tác BVMT. "Trong đó, đưa các quy định về bảo vệ các thành phần môi trường lên đầu, thể hiện rõ mục tiêu xuyên suốt là bảo vệ các thành phần môi trường, bảo vệ sức khỏe người dân, coi đây là nội dung trọng tâm, quyết định cho các chính sách BVMT khác." - Bộ trưởng Trần Hồng Hà nhấn mạnh.

Đồng thời, Luật cũng thực hiện nhiều mục tiêu quan trọng, góp phần đưa đất nước vào giai đoạn phát triển mới, chú trọng vào kinh tế tri thức, kinh tế số, giảm bớt các hoạt động của

con người tác động đến tự nhiên, phát triển kinh tế - xã hội dựa vào các quy luật tự nhiên; cụ thể hóa các thể chế, chủ trương, định hướng lớn của Nhà nước và đáp ứng được những yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới.

NHÀ NƯỚC KHÔNG ĐI LÀM THAY DOANH NGHIỆP

Theo Bộ trưởng Trần Hồng Hà, Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) đã quy định rất rõ nhiệm vụ công khai Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) là của doanh nghiệp được cấp. Luật đã gắn trách nhiệm công khai ĐTM của các chủ thể (doanh nghiệp). Vì vậy, từ khi bắt đầu có dự án đầu tư, chuẩn bị tiền khả thi, đến khi bắt đầu có thiết kế kỹ thuật thì doanh nghiệp đồng thời phải làm ĐTM. Khi đã làm xong và thực hiện theo đúng hướng dẫn mới trình lên cơ quan có thẩm quyền (ở địa phương hoặc Bộ TN&MT), khi đó, doanh nghiệp phải công khai văn bản trình trên cổng thông tin của mình.

Khi thẩm định hồ sơ cấp phép của doanh nghiệp (bao gồm cả ĐTM tiền khả thi), Bộ TN&MT công khai các bước thẩm định, thành viên của Hội đồng, kết quả thẩm định của Hội đồng bao trùm toàn bộ ĐTM và nếu cần thiết sẽ công khai Báo cáo đánh giá tác động môi trường để tham vấn các chuyên gia, cơ quan nghiên cứu. Nhà nước không đi làm thay doanh nghiệp, ai làm người đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Doanh nghiệp có muốn che giấu cũng không được, vì cơ quan Nhà nước sẽ công bố toàn bộ kết quả thẩm định từ Hội đồng, thậm chí

công khai tác động đến đâu, giải pháp thế nào, còn nguy cơ gì?... "Việc này sẽ công khai cho xã hội biết hết, không có gì úp mở cả" - Bộ trưởng nói.

Bộ trưởng dẫn chứng nếu lưu vực đã ô nhiễm, chỉ cấp phép xả khi nước đạt loại A. Trước đây có rất nhiều loại Giấy phép, như Giấy phép xả thải vào nguồn nước có Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Thủy lợi cùng quy định. Hiện nay, 3 Luật quy định chỉ có 1 Giấy phép xả thải nguồn nước và việc này dựa vào đánh giá tác động môi trường.

Như vậy, sau khi Luật đi vào thực tiễn, chỉ một cơ quan chịu trách nhiệm từ khâu đánh giá tác động môi trường, đến cấp phép là một. Trong một Giấy phép sẽ thể hiện tất cả các nội dung, thống nhất về mặt thủ tục. Cơ quan nào thẩm định đánh giá tác động môi trường thì cơ quan đó cấp phép. Về các thủ tục, hồ sơ sẽ giảm khoảng 50% thời gian. Điều này mang lại lợi ích cho doanh nghiệp và người dân sẽ được hưởng. Cái quan trọng cuối cùng chúng ta sẽ được, đó là chất lượng môi trường thì chắc chắn được kiểm soát.

XÂY DỰNG NHẬN THỨC MỚI, TƯ DUY MỚI VỀ BVMT

Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) xác định những quan điểm hết sức quan trọng là: Chủ động trong vấn đề phòng ngừa và quản lý môi trường. Đồng thời tiếp cận cách thức quản lý khoa học dựa trên kinh nghiệm của thế giới, ví dụ như: Xây dựng các chiến lược phát triển, quy hoạch phát triển, đánh giá môi trường



chiến lược, đánh giá sơ bộ, đánh giá tác động, cấp giấy phép, quản lý các hoạt động sản xuất một cách xuyên suốt thông qua các biện pháp kỹ thuật công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu để có thể huy động được tất cả mọi người cùng tham gia, người dân có thể giám sát, cung cấp thông tin, tư vấn, phản biện...

Cùng với đó, Luật cũng đã cắt giảm rất nhiều thủ tục hành chính, cắt giảm hơn 40% thủ tục hành chính (TTHC), giảm thời gian thực hiện các TTHC từ 20 đến 85 ngày, góp phần giảm chi phí tuân thủ của doanh nghiệp. Đồng thời sẽ tạo điều kiện hết sức thông thoáng để cho các lĩnh vực, ngành ứng dụng các công nghệ thân thiện, hiện đại, tiết kiệm nước, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên...tham gia bảo vệ môi trường. Do đó, nếu chúng ta làm tốt, thì mỗi một dự án được xây dựng sẽ phải dựa trên sự cân bằng sinh thái, đảm bảo tính bền vững, việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, tái chế, tái sử dụng.

Ngoài ra, Luật cũng tiếp thu kinh nghiệm thành công của quốc tế về kiểm toán môi trường được áp dụng đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nhằm đánh giá mức độ hiệu quả sử dụng tiết kiệm tài nguyên, quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm và BVMT. Luật đã bổ sung nội dung về kiểm toán môi trường nhằm

điều chỉnh hoạt động kiểm toán trong nội bộ tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ do đơn vị tự thực hiện hoặc thông qua dịch vụ kiểm toán.

Mục đích của hoạt động này nhằm tăng cường năng lực quản lý môi trường của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp nhận biết lỗ hổng trong quản lý môi trường và có giải pháp điều chỉnh hoạt động quản lý môi trường được hiệu quả hơn. Mặt khác, Luật cũng đã bổ sung quy định Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán trong lĩnh vực môi trường theo quy định của Luật Kiểm toán Nhà nước và pháp luật có liên quan.

THẬP LÊN NGỌN LỬA MỚI ĐỂ LUẬT ĐI VÀO CUỘC SỐNG

Với Dự thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi), theo Bộ trưởng Trần Hồng Hà, những câu, chữ trong Luật đều có tâm huyết về vấn đề môi trường của Chính phủ, người dân, các tổ chức và đặc biệt là có sự đồng hành của các đại biểu Quốc hội. Các đại biểu Quốc hội thông qua tình hình diễn ra trong thực tiễn, thách thức từ hoạt động kinh doanh, sản xuất tại địa phương, đã đưa vấn đề môi trường đến nghị trường Quốc hội, đồng thời sẽ tiếp tục đồng hành, giám sát Luật khi đi vào thực tiễn; các đại biểu Quốc hội cũng sẽ thập lên

ngọn lửa mới, tinh thần mới, nhận thức mới, tư duy mới của Luật đến cho mọi người dân cùng tham gia.

"Nếu coi COVID-19 là kẻ thù là giặc thì ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, thách thức biến đổi khí hậu thực sự là thảm họa nên chúng ta phải có tinh thần chiến đấu, có chiến đấu thì sẽ chiến thắng." - Bộ trưởng Trần Hồng Hà chia sẻ.

Bộ TN&MT sẽ phối hợp với các tổ chức, đơn vị, chuyên gia để tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn đến doanh nghiệp và người dân. Đồng thời, cũng cần phải đánh giá khả năng thực thi việc tổ chức bộ máy thực hiện để Luật được đi vào cuộc sống.

Để thực hiện Luật, bên cạnh việc tổ chức, thể chế hóa ban hành văn bản thì vấn đề xây dựng các dự án khả thi và kiến nghị với Đảng, Nhà nước đưa vào trong chương trình ưu tiên để bố trí nguồn lực là rất quan trọng. "Muốn thay đổi phải đổi mới, và trong đổi mới có những vấn đề có tính cách mạng. Ở đây không phải mỗi cá nhân hay doanh nghiệp thấy được lợi ích ngay từ đầu mà lợi ích lâu dài với doanh nghiệp, lợi ích chung với xã hội và chúng ta không có con đường nào khác là con đường phải thay đổi, thay đổi để phát triển bền vững" - Bộ trưởng Trần Hồng Hà nói.

Nguồn: MONRE

Định mức kinh tế - kỹ thuật quy hoạch thủy lợi và điều tra cơ bản thủy lợi

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 11/2020/TT-BNNPTNT Ban hành Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động quy hoạch thủy lợi và điều tra cơ bản thủy lợi.

Thông tư này quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động quy hoạch thủy lợi và điều tra cơ bản thủy lợi, bao gồm các nội dung sau:

Một là, quy hoạch thủy lợi: Lập quy hoạch và rà soát, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh;

Lập quy hoạch và rà soát, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi của hệ thống công trình thủy lợi liên quan từ 02 tỉnh trở lên.

Hai là, điều tra cơ bản thủy lợi: Điều tra hiện trạng số lượng, chất lượng và năng lực phục vụ của công trình thủy lợi; nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; Điều tra hiện trạng cơ cấu tổ chức; cơ chế chính sách trong hoạt động thủy lợi; Điều tra, đánh giá tác động của công trình thủy lợi đến môi trường và đời sống của người dân; Điều tra, thu thập

thông tin quan trắc, giám sát về số lượng, chất lượng nước, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng, bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi, bờ sông, bờ biển phục vụ hoạt động thủy lợi.

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quy hoạch thủy lợi và điều tra cơ bản thủy lợi.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2020.

Nguồn: DWRM



Báo cáo Hiện trạng môi trường Quốc gia năm 2019: “Quản lý chất thải rắn sinh hoạt”

Năm 2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng Báo cáo chuyên đề về “Quản lý chất thải rắn sinh hoạt” nhằm đánh giá tổng thể và toàn diện về bối cảnh phát triển Kinh tế - Xã hội trong nước và quốc tế, thực trạng công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt, những vấn đề tồn tại, khó khăn trong thời gian qua. Từ đó, nhận định các thách thức trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt và đề xuất các nhóm giải pháp quản lý hiệu quả, bền vững trong thời gian tới theo hướng

thống nhất, nhằm mục tiêu quản lý chất thải rắn sinh hoạt tốt hơn, giảm tình trạng ô nhiễm môi trường; đồng thời đề xuất một số giải pháp ưu tiên để xử lý các điểm nóng về quản lý chất thải rắn sinh hoạt hiện nay.

Báo cáo gồm 5 chương: (1) Tổng quan về phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam và bối cảnh quốc tế; (2) Thực trạng phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở Việt Nam; (3) Tác động của CTRSH đối với môi trường tự nhiên, sức khỏe cộng đồng và kinh tế - xã hội; (4) Công tác quản lý Nhà

nước về chất thải rắn sinh hoạt; (5) Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý CTRSH.

Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2019 cũng đề xuất các giải pháp cần thiết để tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước đối với CTRSH, phát triển và đầu tư công nghệ xử lý và định giá dịch vụ quản lý CTRSH phù hợp với điều kiện Việt Nam, đẩy mạnh công tác xã hội hoá quản lý CTRSH, đa dạng hoá và duy trì tính bền vững của các nguồn đầu tư trong công tác quản lý CTRS.

Nguồn: DWRM

Hoàn thành việc rà soát điều chỉnh, bổ sung vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trước ngày 31/12/2020

Ngày 13/11, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có công văn số Công văn số 6438/BTNMT-TNN gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc đôn đốc triển khai thực hiện Nghị định số 167/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

Để bảo đảm hoàn thành việc phê duyệt, công bố vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trước ngày 10/02/2022 (đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa phê duyệt vùng hạn chế khai thác nước dưới đất) và hoàn thành việc rà soát điều chỉnh, bổ sung vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trước ngày 31/12/2020 (đối với các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương đã phê duyệt vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trước thời điểm Nghị định có hiệu lực thi hành) theo quy định của Nghị định, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND tỉnh, thành phố xem xét, chỉ đạo các nội dung như sau:

Một là, đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã phê duyệt vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trước thời điểm Nghị định có hiệu lực thi hành: Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường khẩn trương hoàn thành việc rà soát, tham mưu cho UBND tỉnh để điều chỉnh, bổ sung vùng hạn chế khai thác nước dưới đất cho phù hợp với quy định của Nghị định.

Hai là, đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa phê duyệt vùng hạn chế khai thác nước dưới đất: Chỉ đạo bố trí kinh phí và chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường sớm tổ chức triển khai việc khoanh định, công bố vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh

để bảo đảm tiến độ theo quy định của Nghị định.

Ba là, trên cơ sở vùng hạn chế khai thác nước dưới đất sau khi được ban hành hoặc sau khi được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất, lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân có liên quan, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án để thực hiện theo quy định của Nghị định.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị UBND tỉnh phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, hướng dẫn.

Nguồn: DWRM



Rà soát, thực hiện các giải pháp bảo vệ nguồn nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh nước sạch

Ngày 04/11, Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) đã có công văn số 6185/BTNMT-TNN gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (UBND các tỉnh, thành phố) trực thuộc Trung ương về việc Thực hiện các giải pháp bảo vệ nguồn nước cấp cho các mục đích sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh nước sạch theo Chỉ thị số 34/CT-TTg.

Theo đó, Bộ TN&MT đề nghị UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo các Sở, ban ngành khẩn trương rà soát, thực hiện một số nội dung trọng tâm sau đây:

Một là, tổ chức lập, công bố danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ và thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối, kênh rạch, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở các đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác. Đồng thời, chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị quản lý, vận hành các hồ chứa thủy điện, thủy lợi trên địa bàn khẩn trương hoàn thành việc cấm mốc hành lang bảo vệ hồ chứa theo quy định của Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

Theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 43/2015/NĐ-CP, kinh phí cấm mốc hành lang (trừ hành lang bảo vệ hồ chứa do chủ hồ thực hiện) do ngân sách nhà nước đảm bảo, bao gồm ngân sách địa phương, hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và được bổ sung từ nguồn thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật. Vì vậy, trường hợp ngân sách địa phương không bố trí đủ để thực hiện nội dung nêu trên, đề nghị UBND tỉnh, thành phố tính toán, rà soát, có văn bản đề nghị hỗ trợ từ ngân sách Trung ương gửi Bộ TN&MT để gửi Bộ Tài chính tổng hợp vào dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách.

Hai là, lập, phê duyệt, thông báo vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước

sinh hoạt của công trình khai thác nước trên địa bàn tỉnh, thành phố theo quy định tại Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ TN&MT quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ việc xả thải vào hệ thống sông, hồ, nguồn nước để bảo đảm cấp nước an toàn cho nhân dân, đặc biệt là các nguồn nước có sử dụng cho mục đích sinh hoạt, sản xuất nước sạch.

Ba là, ban hành danh mục nguồn nước nội tỉnh theo quy định của Luật tài nguyên nước và trên cơ sở Danh mục nguồn nước liên tỉnh và Danh mục nguồn nước liên quốc gia (nguồn nước mặt) đã được Bộ TN&MT ban hành tại Quyết định số 1757/QĐ-BTNMT ngày 11 tháng 8 năm 2020.

Nguồn: DWRM

Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở xử lý chất thải nguy hại

Trong tháng 11/2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Công văn số 6118/BTNMT-TCMT gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là cơ sở xử lý chất thải nguy hại trong tình hình tiếp tục thực hiện "mục tiêu kép" của Chính phủ.

Theo đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện một số nội dung sau:

Một là, chủ động tăng cường rà soát, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, đặc biệt là các cơ sở xử lý chất thải nguy hại; tăng cường công tác quản lý đối với chất thải y tế phát sinh, đặc biệt tại các địa phương đã, đang và có nguy cơ cao ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19.

Hai là, chủ động xử lý nghiêm hoặc phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Ba là, phối hợp với Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Môi trường xây dựng kế hoạch thanh tra điều chỉnh trong lĩnh vực bảo vệ môi trường năm 2021, trong đó bổ sung nội dung thanh tra chuyên đề đối với các cơ sở xử lý chất thải nguy hại trên phạm vi toàn quốc.

Nguồn: DWRM



Báo cáo Thứ trưởng Lê Công Thành về tiến độ xây dựng các quy hoạch tài nguyên nước

Sáng 18/11, tại Hà Nội, Thứ trưởng Lê Công Thành đã chủ trì cuộc họp nghe các đơn vị báo cáo tình hình triển khai công tác quy hoạch tài nguyên nước.

Tham dự cuộc họp có lãnh đạo các đơn vị: Cục Quản lý tài nguyên nước, Viện Khoa học Tài nguyên nước, Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Báo cáo Thứ trưởng về triển khai nhiệm vụ quy hoạch tài nguyên nước quốc gia, Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước Châu Trần Vĩnh cho biết, dựa trên các số liệu được cung cấp, Cục đang tổng hợp đánh giá hiện trạng khai thác và dự báo nhu cầu sử dụng nước của các Bộ, ngành, địa phương; hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu công tác đánh giá hiện trạng và diễn biến tài nguyên nước theo kỳ quy hoạch; phát hành hồ sơ mời thầu để thực hiện đấu thầu theo quy định nhiệm vụ đánh giá môi trường chiến lược.

Về quy hoạch tổng thể điều tra tài nguyên nước, Cục đã trình Bộ thẩm định theo quy định tại Quyết định 1977/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2019 về Kế hoạch tổ chức lập quy hoạch của Bộ TN&MT.

Đối với nhiệm vụ xây dựng các quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh, Tổng Giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia Tống Ngọc Thanh cho biết, Trung tâm đang tích cực triển khai thực hiện lập quy hoạch cho 5 lưu vực sông. Trong đó, có 3 quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng, Sê San và Srêpôk phải trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 12/2020 và 2 quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng - Thái Bình, Cửu Long dự kiến trình trong năm 2021.



Thứ trưởng Lê Công Thành phát biểu chỉ đạo tại cuộc họp

Cụ thể, đối với lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng, Trung tâm đã gửi Hồ sơ xin ý kiến góp ý các đơn vị trong Bộ, đăng trên Cổng Thông tin của Bộ; đồng thời, trình Bộ xin ý kiến, góp ý của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan.

Đối với lưu vực sông Sê San và Srêpôk, Trung tâm đã phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thành hồ sơ kỹ thuật, xây dựng Báo đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch và hoàn thành hồ sơ, sản phẩm của Quy hoạch để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch theo đúng kế hoạch.

Đối với 2 quy hoạch dự kiến trình năm 2021, ông Thanh cũng cho biết, Trung tâm đang thực hiện việc đánh giá khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các ngành, địa phương; đánh giá hiện trạng và diễn biến tài nguyên nước theo kỳ quy hoạch; thiết lập hệ thống các mô hình tính toán tài nguyên nước mặt và nước dưới đất;...

Trên cơ sở báo cáo tiến độ triển khai công tác quy hoạch tài nguyên nước của các đơn vị, Thứ trưởng Lê Công Thành yêu cầu các đơn vị chủ trì xây dựng quy hoạch cần rà soát nội dung, tăng cường trao đổi chuyên môn bảo đảm tính khả thi của các quy hoạch, phù hợp với nguồn lực hiện có, đồng thời, phải có tính linh hoạt, đáp ứng phương thức quản lý, đầu tư, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trong quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và phòng, chống tác hại do nước gây ra.

Thứ trưởng Lê Công Thành nhấn mạnh: Quy hoạch tài nguyên nước chính là bộ dữ liệu, công cụ và quy tắc, do vậy, cần quy hoạch một cách khoa học mà vẫn gắn theo thực tiễn để đáp ứng yêu cầu quản lý tài nguyên nước, đặc biệt, quy hoạch vùng không thể làm phép cộng từ các tỉnh gộp lại mà phải có cách tiếp cận mới.

Nguồn: DWRM



Báo cáo Thứ trưởng Lê Công Thành về các nhiệm vụ của Tiểu ban lưu vực sông Cửu Long và Sê San - Srêpôk

Sáng ngày 12/11, tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Lê Công Thành đã chủ trì cuộc họp nghe Văn phòng thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam báo cáo về việc xác định các nhiệm vụ của Tiểu ban lưu vực sông Cửu Long và Sê San - Srêpôk.

Báo cáo tại cuộc họp, ông Trương Hồng Tiến - Phó Chánh Văn phòng thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam cho biết, theo Quyết định số 619/QĐ-TTg, ngoài chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, quản lý các hoạt động hợp tác với Ủy hội sông Mê Công quốc tế, Ủy ban sông Mê Công Việt Nam còn đảm nhận thêm chức năng quản lý lưu vực sông, bao gồm cả các Lưu vực sông Cửu Long và sông Sê San - Srêpôk của Việt Nam.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng, Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam đã rà soát chức năng và xác định các nhiệm vụ chuyên môn chính của các Tiểu ban lưu vực sông Cửu Long và Sê San - Srêpôk, như sau:

Một là, hỗ trợ công tác điều tra cơ bản: Thu thập thông tin số liệu, tiến hành phân tích, đánh giá và xây dựng các báo cáo kỹ thuật cho các lưu vực sông Cửu Long và Sê San - Srêpôk với chu kỳ cập nhật là 05 năm/lần.

Hai là, theo dõi, giám sát và dự báo tài nguyên nước: Chuẩn bị Bản tin hàng tháng về diễn biến và dự báo tài nguyên nước tới Đồng bằng sông Cửu Long; Báo cáo về diễn biến tài nguyên nước tới Đồng bằng sông Cửu Long theo mùa; Theo dõi vận hành các công trình khai thác sử dụng tài nguyên nước thượng nguồn Mê Công, và các công trình phòng chống lũ hạn lưu vực sông Cửu Long và các công trình thủy điện lưu vực sông Sê San và Srê-pôk.

Ba là, đánh giá tác động xuyên biên giới: Đánh giá tác động của phát triển thượng nguồn tới Đồng bằng sông Cửu Long (đối với Lưu vực sông



Quang cảnh cuộc họp

Cửu Long); Đánh giá tác động của các hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên nước qua Campuchia (đối với Lưu vực sông Sê San và Srê-pôk).

Bên cạnh đó, tiểu ban lưu vực sông Cửu Long và Sê San - Srêpôk sẽ thực hiện các hoạt động đóng góp ý kiến về dự thảo văn bản pháp luật; các chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án về lĩnh vực tài nguyên nước, Quy trình vận hành của các công trình trong lưu vực; chủ trì đàm phán, thực hiện và hỗ trợ thực hiện các văn bản luật pháp quốc tế có liên quan; hợp tác quản lý tổng hợp tài nguyên nước trong khuôn khổ Hiệp định Mê Công 1995 và các hợp tác song phương; thực hiện các hoạt động tăng cường quản lý sử dụng nước xuyên biên giới và các hoạt động trao đổi thông tin số liệu xuyên biên giới; ...

Ông Trương Hồng Tiến cũng cho biết, trên cơ sở bối cảnh lưu vực Mê Công, nguồn lực của Ủy ban, nhiệm vụ

ưu tiên của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong lĩnh vực nước, nhiệm vụ chuyên môn ưu tiên của năm 2021 của tiểu ban lưu vực sông Cửu Long và Sê San - Srêpôk sẽ tập trung vào thực hiện các Báo cáo hiện trạng lưu vực; Báo cáo tài nguyên nước lưu vực; Dự thảo Báo cáo về kiểm kê tài nguyên nước lưu vực sông Cửu Long và lưu vực sông Sê San - Srêpôk; và dự thảo Báo cáo về an ninh nguồn nước lưu vực sông Cửu Long.

Tại cuộc họp, đại diện Lãnh đạo các đơn vị trong lĩnh vực ngành nước đã trao đổi, đóng góp ý kiến liên quan về chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của các Tiểu ban lưu vực sông Cửu Long và Sê San - Srêpôk.

Ông Châu Trần Vinh - Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước cho rằng, để triển khai hiệu quả nhiệm vụ phối hợp liên ngành trong lĩnh vực nước và môi trường theo quy định tại Quyết định 619/QĐ-TTg thì cần thống nhất, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban;



xác định các vấn đề kỹ thuật cần phải xin ý kiến của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, ý kiến của các tiểu ban lưu vực sông Cửu Long và Sê San - Srêpôk.

Ông Hoàng Văn Thức - Phó Tổng cục trưởng Tổng Cục Môi trường cho rằng, để hình thành chức năng nhiệm vụ của các tiểu ban, cần có cuộc họp thống nhất giữa các đơn vị để xác định những nhiệm vụ giao thoa, chồng lấn và các nhiệm vụ liên ngành, liên tỉnh ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng nước cũng như các vấn đề về môi trường để Ủy ban sông Mê Công, các tiểu ban lưu vực sông tham gia điều

phối, xử lý. Cùng với đó, cần bố trí một số nhiệm vụ, dự án chuyên môn; đặc biệt là thiết lập trung tâm kết nối, chia sẻ thông tin liên ngành, liên vùng là hết sức cần thiết nhằm có công cụ hỗ trợ, giúp Ủy ban sông Mê Công thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Phát biểu kết luận tại cuộc họp, Thứ trưởng Bộ TN&MT Lê Công Thành giao Cục Quản lý tài nguyên nước chủ trì phối hợp với Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam tổ chức họp chuyên đề nhằm cụ thể hóa các vấn đề liên ngành, liên vùng có liên quan trong quản lý tài nguyên

nước và môi trường cần phải tham khảo ý kiến của tổ chức lưu vực sông; đồng thời giao các đơn vị chức năng có liên quan thuộc Bộ cần đẩy mạnh phối hợp, hỗ trợ cho Văn phòng triển khai các công việc, nhiệm vụ.

Thứ trưởng cũng chỉ đạo Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Bộ rà soát và điều chỉnh cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc trên địa bàn Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả và đảm bảo yêu cầu điều phối trong chức năng của Ủy ban.

Nguồn: DWRM

Rà soát cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Sáng 5/11, tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ TN&MT Nguyễn Thị Phương Hoa đã chủ trì cuộc họp với các đơn vị về tình hình thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

Báo cáo tại buổi làm việc, Ông Nguyễn Văn Hùng, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế cho biết, thực hiện Nghị quyết 68 của Chính phủ, Bộ TN&MT đã ban hành Quyết định số 1322 ngày 16/6/2020 ban hành kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh năm 2020 của Bộ. Trong đó, có 4 nhiệm vụ chính là: Thống kê, cập nhật dữ liệu và tính chi phí tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và phần mềm; rà soát, đánh giá, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; xây dựng trình Bộ trưởng để trình cơ quan có thẩm quyền công bố phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án

cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Theo đó, Vụ đã rà soát độc lập các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh của các đơn vị trực thuộc. Theo đó, số lượng thủ tục được rà soát là 175 thủ tục; số thủ tục hành chính Vụ đề nghị bãi bỏ, đơn giản hóa là 144/175 đạt hơn 82%, trong đó, đơn giản hóa 123 thủ tục; bãi bỏ, tích hợp 20 thủ tục.

Theo đó, lĩnh vực đất đai đề nghị bãi bỏ, đơn giản hóa 25/27 thủ tục; lĩnh vực môi trường 47/56 thủ tục; lĩnh vực khoáng sản 24/29 thủ tục, lĩnh vực tài nguyên nước 29/32 thủ tục; lĩnh vực khí tượng thủy văn 8/8 thủ tục; lĩnh vực biển và hải đảo 10/20 thủ tục; lĩnh vực đo đạc bản đồ và thông tin địa lý 1/3 thủ tục.

Về nội dung đơn giản hóa cắt giảm 22,1% tỷ lệ chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh cụ thể của từng lĩnh vực...

Tại buổi làm việc, các đại biểu đã tập trung thảo luận về việc cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh. Theo đó, đa số đại biểu cho rằng, nhiều thủ tục hành chính, giấy tờ cấp phép cần nghiên

cứu tiếp nhận, xử lý trên môi trường điện tử, cơ sở dữ liệu số, liên thông hồ sơ giữa một số đơn vị đồng thời rà soát thời gian, trình tự các thủ tục hành chính để cắt giảm cho vừa đảm bảo chất lượng vừa giảm thời gian.

Phát biểu kết luận tại buổi làm việc, Thứ trưởng Nguyễn Thị Phương Hoa cho rằng, việc cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh là việc làm thường xuyên của Bộ trong thời gian qua. Thứ trưởng cho rằng, để thực hiện việc cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh Nghị quyết 68 của Chính phủ, các đơn vị trực thuộc cần rà soát việc cắt giảm, đơn giản hóa từ thời điểm 2018 tới nay, đồng thời, cần nghiên cứu, liên thông hồ sơ giữa một số đơn vị, rà soát thời gian, trình tự các thủ tục hành chính để cắt giảm, thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ.

Thứ trưởng cũng yêu cầu các đơn vị tiếp tục phối hợp với Vụ Pháp chế rà soát các thủ tục liên quan đến hoạt động kinh doanh để vừa đảm bảo được mục tiêu quản lý, vừa đảm bảo chỉ tiêu cắt giảm theo yêu cầu của Nghị quyết của Chính phủ.

Nguồn: DWRM (Tổng hợp)



Hội thảo “Công tác kiểm kê tài nguyên nước quốc gia”

Chiều 6/11, tại Hà Nội, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia đã tổ chức Hội thảo “Công tác kiểm kê tài nguyên nước quốc gia” để tiếp thu ý kiến góp ý về Thông tư “Hướng dẫn nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước” và đề án “Kiểm kê tài nguyên nước quốc gia”. Thứ trưởng Bộ TN&MT Lê Công Thành dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội thảo.

Ông Nguyễn Cao Đơn, Viện Khoa học tài nguyên nước - Đơn vị chủ trì xây dựng dự thảo Thông tư cho biết, bản thảo Thông tư Hướng dẫn về nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

Dự thảo Thông tư “Hướng dẫn nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước” được xây dựng nhằm mục đích kiểm kê số lượng, chất lượng tài nguyên nước để đề xuất các biện pháp tăng cường quản lý, nâng cao giá trị, hiệu quả sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ lập Báo cáo Tài nguyên nước Quốc gia, niên giám thống kê các cấp và phục vụ nhu cầu thông tin về tài nguyên nước cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo, các nhu cầu khác của quốc gia và xã hội; làm căn cứ để lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng nước; làm cơ sở đề xuất điều chỉnh chính sách, pháp luật về tài nguyên nước.

Theo đó, nội dung cơ bản của Thông tư là quy định, hướng dẫn được các nội dung kiểm kê, các chỉ tiêu kiểm kê, phương pháp xác định các chỉ tiêu, báo cáo kiểm kê cấp tỉnh và trung ương, trình tự thực hiện kiểm kê ở các cấp.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã tập trung thảo luận, đóng góp ý kiến đối với dự thảo Thông tư về các nội dung như đối tượng kiểm kê tài nguyên nước, sản phẩm kiểm kê, xem xét các



thuật ngữ, khái niệm được nêu trong Dự thảo Thông tư,...

Đánh giá cao vai trò quan trọng của công tác kiểm kê tài nguyên nước, đặc biệt với nước dưới đất, TS. Đặng Đình Phúc - Hội Địa chất thủy văn Việt Nam cho rằng, dự thảo Thông tư được xây dựng rất chi tiết và nếu hoàn chỉnh, có thể thực hiện được. Tuy nhiên, ông Phúc đề nghị trong mục tiêu kiểm kê, cần đề cập đến nước dưới đất.

Theo ông Đặng Đình Phúc, Thông tư còn thiếu đánh giá biến động của tài nguyên nước trong thời kỳ kiểm kê, cũng như đánh giá biến động, đề xuất giải pháp khai thác sử dụng nước hợp lý; cần kiểm kê hiện trạng khai thác tài nguyên nước và đánh giá suy thoái mực nước và lượng nước khai thác, lượng nước tháo khô, tầng chứa nước và đánh giá lượng nước phổ cập. Chẳng hạn, Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều tầng chứa nước, cần nghiên cứu kỹ phương pháp đánh giá cho từng tầng.

Phát biểu chủ trì tại Hội thảo, Thứ trưởng Bộ TN&MT Lê Công Thành cho rằng những ý kiến góp ý tại hội thảo là

những đóng góp quý giá để Bộ TN&MT tiếp tục chỉ đạo thực hiện việc xây dựng và hoàn thiện Thông tư này. Đây là lần đầu tiên Việt Nam thực hiện kiểm kê tài nguyên nước quốc gia nên sẽ cố gắng sử dụng các tài liệu về tài nguyên nước, với những mô hình, phương pháp mà chúng ta có thể sử dụng, kết hợp với các phương pháp hiện đại.

Thứ trưởng Bộ TN&MT Lê Công Thành mong muốn sau hội thảo sẽ có đầy đủ căn cứ khoa học thực tiễn từ kinh nghiệm quốc tế, kinh nghiệm trong nước để từ đó có sự thống nhất trong triển khai xây dựng, trình và ban hành Thông tư “Hướng dẫn nội dung, biểu mẫu kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê tài nguyên nước” và đề án “Kiểm kê tài nguyên nước quốc gia” vào đầu năm 2021.

Thứ trưởng Lê Công Thành chỉ đạo các cơ quan xây dựng Thông tư và đề án này khẩn trương hoàn thiện Thông tư để sớm trình Chính phủ, có thể bắt đầu triển khai kiểm kê từ đầu năm 2022 và kết thúc kiểm kê vào năm 2024.

Nguồn: DWRM



Ngành tài nguyên và môi trường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hướng đến hiện đại hóa công tác quản lý trên nền tảng số

Hội nghị Ứng dụng công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường năm 2020 đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND tỉnh Lâm Đồng tổ chức tại TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng vào 02 ngày 5 - 6/11.

Hội nghị nhằm thúc đẩy, hướng dẫn, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử và giải đáp, hỗ trợ về quản lý, chuyên môn kỹ thuật CNTT tại Bộ TN&MT, Sở TN&MT tại các địa phương; hướng tới chuyển đổi số, phát triển ngành tài nguyên và môi trường, góp phần tiến tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Thứ trưởng Bộ TN&MT Trần Quý Kiên cho biết, Hội nghị đánh giá ứng dụng CNTT trong lĩnh vực TN&MT luôn được lãnh đạo ban cán sự, lãnh đạo bộ TN&MT quan tâm, chỉ đạo thường xuyên và được tổ chức hằng năm nhằm đánh giá công việc đã triển khai trong một năm đồng thời định hướng giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

Theo Thứ trưởng, ngành tài nguyên và môi trường là ngành điều tra cơ bản với hoạt động chính của ngành là tạo lập ra thông tin, dữ liệu; là một trong các ngành có nhiều thông tin, số liệu nhất trong các ngành kinh tế - kỹ thuật hiện nay và có yêu cầu cung cấp thông tin rất lớn từ xã hội; sẽ là ngành có tương lai sáng lạn trong kỷ nguyên số.

Trong bối cảnh đó, các nhiệm vụ cụ thể về công nghệ thông tin của ngành tài nguyên và môi trường trong thời gian tới bao gồm 5 nội dung chính như sau: (1) Xây dựng, hoàn thiện thể chế tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai xây dựng vận hành Chính phủ/Chính quyền điện tử, chuyển đổi số toàn diện ngành tài nguyên và môi trường; Kiến trúc hệ thống thông tin, quy định kỹ thuật; quy định cung cấp, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu; đơn giá-định mức... (2) Xây dựng chương trình chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường; tạo lập không gian số xóa nhòa khoảng cách và thời gian trong không gian thực; sáng tạo đổi mới; ứng dụng rộng rãi công nghệ, giải pháp của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư; (3) Triển khai, xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành mang tính chất nền tảng bảo đảm kết nối, chia sẻ sử dụng rộng rãi, thuận lợi phục vụ quản lý điều hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp; (4) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin dữ liệu trong toàn ngành; (5) Rà soát, sắp xếp tổ chức và huy động nguồn lực thực hiện.

Tại Hội nghị, ông Lê Phú Hà, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường đã giới thiệu về Kế hoạch số 777/KH-BCSD ngày 09/9/2020 của Ban cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ



Thứ trưởng Bộ TN&MT Trần Quý Kiên phát biểu tại Hội nghị

trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Theo đó đặt mục tiêu đến năm 2025, toàn ngành TN&MT sử dụng 90% thiết bị sử dụng công nghệ số; 80%-90% công tác dự báo, cảnh báo, giám sát dựa trên phân tích, xử lý, dữ liệu theo thời gian thực, đưa ra quyết định chính xác, kịp thời. 90%- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 & được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau của người dùng. 100% hồ sơ công việc về TNMT tại cấp bộ; 90% cấp tỉnh; 80% cấp huyện; 60% cấp xã được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng; 100% chế độ báo cáo, thống kê được tích hợp, kết nối phục vụ Bộ, ngành và kết nối, chia sẻ phục vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Tại hội nghị, các đại biểu đã cùng nhau trao đổi, tọa đàm về các kết quả ứng dụng công nghệ thông tin đã đạt được; các vấn đề vướng mắc, tồn tại; đồng thời xác định phương hướng lộ trình, thúc đẩy thực hiện trong thời gian tới trọng tâm là chuyển đổi số toàn diện ngành góp phần tiến tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

Trên cơ sở kết quả Hội nghị, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ chỉ đạo, đưa ra các quyết sách, biện pháp nhằm thực hiện mạnh mẽ, có hiệu quả để đẩy mạnh có hiệu quả công tác ứng dụng CNTT, vận hành Chính phủ điện tử, chuyển đổi số toàn diện tạo đột phá trong hiện đại hóa, phát triển ngành TN&MT, đổi mới phương thức làm việc, đổi mới quản trị nhà nước, cải cách hành chính, xây dựng bộ máy, tổ chức hợp lý, gọn nhẹ trên nền tảng số; mô hình mới về quản lý tài nguyên, kiểm soát ô nhiễm môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Nguồn: DWRM



Hội thảo tham vấn về quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 12-11, tại Cần Thơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức hội thảo "Tham vấn về quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050" với chuyên đề Nước - Định hướng chiến lược cho vùng ĐBSCL.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Trần Quốc Phương cho biết, vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có điều kiện tự nhiên gắn với hệ thống sông ngòi, kênh, rạch, đất, nước, môi trường, hệ sinh thái, cảnh quan và các yếu tố kinh tế - xã hội như phong tục, tập quán, sinh kế, truyền thống canh tác, mùa vụ, tạo thành một môi trường hòa và liên kết rất chặt chẽ với nhau. Trong đó vai trò của "nước" được xác định là tài nguyên không gì có thể thay thế được và là động lực phát triển chính của Vùng, là nơi mà "nước" gắn với hoạt động của con người, tạo nên một nét văn hóa đặc trưng của Vùng, đó là văn hóa sông nước.

Tuy nhiên, vùng ĐBSCL đang đối mặt với nhiều thách thức như việc khai thác, sử dụng nước quá mức đã làm thay đổi dòng chảy, giảm lượng phù sa, suy giảm nguồn lợi thủy sản, xâm nhập mặn vào sâu trong nội đồng. Đặc biệt, biến đổi khí hậu, nước biển dâng đang diễn ra nhanh hơn dự báo, gây ra những hiện tượng thời tiết cực đoan, làm ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, sụt lún đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, ngập lụt tại các đô thị, tuyến dân cư, ảnh hưởng đến sinh kế và đời sống của người dân và tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của toàn Vùng.

Trong bối cảnh đó, các ngành, các cấp đã ban hành và thực thi nhiều chương trình, dự án, quy hoạch, kế hoạch, song những biện pháp này chủ yếu để ứng phó mang tính riêng rẽ theo ngành, lĩnh vực và từng địa phương, thiếu tính tổng thể,

liên kết giữa ngành, địa phương một cách dài hạn trên toàn Vùng nên chưa mang lại hiệu quả thiết thực cho vùng ĐBSCL.

Thứ trưởng Trần Quốc Phương cho rằng, việc giải quyết các vấn đề của vùng ĐBSCL cần phải đặt trên quan điểm tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực, trên cơ sở xử lý đồng bộ bài toán tổng thể với một tầm nhìn dài hạn trong sự phối hợp tham gia của tất cả các ngành kỹ thuật, kinh tế và xã hội bằng những công cụ xác đáng, mang tính kết nối cao, đó là công cụ quy hoạch.

Ngày 17/11/2017, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghị quyết này được ban hành rất kịp thời để định hướng, chỉ đạo giải quyết vấn đề nước của vùng ĐBSCL, trong đó có nội dung chỉ đạo: "... Lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, là cơ sở cho việc hoạch định chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển vùng, cần phải được quản lý tổng hợp trên toàn lưu vực. Bên cạnh tài nguyên nước ngọt, cần coi nước lợ, nước mặn cũng là nguồn tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế...".

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 120/NQ-CP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo phương pháp tích hợp, đa ngành theo quy định của Luật Quy hoạch.

Trên tinh thần hướng tới mục tiêu vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích

chung của cả vùng ĐBSCL, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Hội thảo với chuyên đề: Nước - Định hướng chiến lược cho vùng ĐBSCL để tham vấn, xin ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý và các địa phương đối với những nội dung liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước đã được đề cập trong Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Hội thảo được nghe các bài trình bày tham luận về vấn đề đặt ra đối với việc quản lý tổng hợp tài nguyên nước vùng ĐBSCL; định hướng khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên nước vùng ĐBSCL; định hướng khắc phục tác hại do nước gây ra tại vùng ĐBSCL như sạt lở, nước biển dâng, ngập úng đô thị... Hội thảo đã nhận được các ý kiến góp ý xác đáng, chất lượng của các nhà khoa học, nhà quản lý và các địa phương đối với quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

PGS.TS Lê Anh Tuấn (Trường ĐH Cần Thơ) đề xuất: Để quản lý hạ tầng ngành nước trong quy hoạch vùng ĐBSCL cần phân vùng quản lý. Chia vùng ĐBSCL thành ba tiểu vùng: Vùng nước ngọt - lùi vùng nước ngọt vào khu vực an toàn tự nhiên, không can thiệp; vùng chuyển tiếp - chấp nhận ngọt - mặn theo mùa, chỉ điều tiết không ngăn mặn; vùng mặn - tuần hoàn nước biển, phát triển thủy sản và phục hồi sinh thái. Trong đó, cần phục hồi không gian hấp thu lũ, tăng diện tích thủy sản nước ngọt. Bỏ lúa vụ 3, xả lũ vào ruộng, phát triển sinh kế dựa vào lũ.

Nguồn: DWRM (Tổng hợp)



Kết quả công tác quản lý tài nguyên nước năm 2020

CAO BẰNG

Theo báo cáo của Sở TN&MT Cao Bằng, trong 10 tháng đầu năm 2020, Sở đã tiếp nhận và xử lý trên 8823 văn bản đến; ban hành 3117 văn bản đi. Sở đã tham mưu trình UBND tỉnh Cao Bằng ban hành 14 văn bản nhằm hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Về kết quả công tác quản lý tài nguyên nước trong năm 2020, Sở TN&MT đã tham mưu và thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; thẩm định các dự án đầu tư đúng tiến độ, có chất lượng chuyên môn và đảm bảo thời gian theo yêu cầu.

Tính đến tháng 10/2020, Sở đã thẩm định, trình UBND tỉnh cấp, gia hạn 08 giấy phép tài nguyên nước

gồm: 01 Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất; 03 Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; 03 Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; 01 giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt 01 Phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa; 01 Phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập; 05 hồ sơ Kế khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Đồng thời, Sở đã cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra tình hình hoạt động đối với 05 công trình cấp nước sạch tập trung; kiểm tra an toàn đập, hồ chứa đối với 05 nhà máy thủy điện; tham gia làm việc, tổng hợp báo cáo các nội dung về tài nguyên và môi trường liên quan đến các dự án thủy điện gửi đoàn công tác của Thanh

tra chính phủ; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bộ thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước; ban hành các văn bản thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên nước; thực hiện kiểm tra theo kiến nghị của Đài khí tượng thủy văn tỉnh Cao Bằng đối với Trạm thủy văn Bàng Giang.

Về phương hướng, nhiệm vụ lĩnh vực tài nguyên nước năm 2021, Sở TN&MT tỉnh Cao Bằng cho biết, sẽ tiếp tục thực hiện điều tra, đánh giá, xác định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính Phủ Quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất; Thực hiện việc cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước theo kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Nguồn: DWRM

NGHỆ AN

Theo báo cáo của Sở TN&MT Nghệ An, tính đến ngày 30/10/2020, Sở TN&MT tham mưu và cấp phép 81 giấy phép trong lĩnh vực tài nguyên nước, bao gồm: 55 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, 7 giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, 4 giấy phép thăm dò nước dưới đất, 15 giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất.

Năm 2020, Sở tiếp tục triển khai thực hiện "Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035" đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 06/9/2017; Triển khai thực hiện Dự án quản lý tổng hợp đới bờ năm 2019-2020, triển khai thực hiện Đề án "Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của

nguồn nước sông Bùng và sông Dinh trên địa bàn tỉnh Nghệ An"; Đề án "Điều tra, thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Nghệ An" và "Điều tra, khoanh định vùng cấm, hạn chế và vùng đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An"; "Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải sông Đào"; "Điều tra, lập danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An"; "Điều tra, đánh giá tiềm năng và trữ lượng nước dưới đất có thể khai thác trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 1".

Đồng thời, Sở đã hoàn thiện đề cương Đề án "Trám lấp giếng không sử dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An" trình UBND tỉnh phê duyệt đề cương. Xây dựng đề cương Đề án "Điều tra, xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh các

khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An" trình UBND tỉnh phê duyệt đề cương.

Về tình hình thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, Sở đã tuyên truyền và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và quản lý tổng hợp, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; triển khai và thực hiện Nghị định số 82/2017/NĐ-CP về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 17/2/2020 về tổ chức thực hiện các hoạt động hưởng ứng Ngày nước Thế giới năm 2020; tham mưu các văn bản hướng dẫn việc chấp hành luật UBND các huyện, thành phố, thị xã;...

Nguồn: DWRM



HÀ GIANG

Năm 2020, Sở TN&MT Hà Giang đã phối hợp, triển khai thực hiện nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý về tài nguyên nước trên địa bàn như: Điều tra, đánh giá biến động dòng chảy trên lưu vực Sông Lô thuộc địa phận tỉnh Hà Giang; Điều tra, phân tích, lập mô hình và xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ lưu Sông Lô địa phận tỉnh Hà Giang.

Cùng với đó, các nhiệm vụ thực hiện trong năm 2020: Khai dẫn, xây dựng trạm xử lý cung cấp nước ngầm tại xã Đồng Yên, huyện Bắc Giang, tỉnh Hà Giang; Điều tra đánh giá thực trạng sử dụng nước, xác định nguồn ô nhiễm môi trường (nước mặt); đánh giá chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại 04 huyện vùng cao của tỉnh, đề xuất các biện pháp sử dụng nước bền vững ứng phó với biến đổi khí hậu; Điều tra, đánh giá, khoanh định hành lang bảo vệ nguồn nước sông nội tỉnh cấp 3, cấp 4, cấp 5 trên địa bàn tỉnh; Điều tra, đánh giá xác định các khu



vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất nhằm bảo vệ tài nguyên nước dưới đất khỏi nguy cơ suy thoái và cạn kiệt nước nước dưới đất, tỉnh Hà Giang.

Về công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước, Sở TN&MT đã tham mưu UBND tỉnh ban kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 13/03/2020 về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước thế giới 22/3 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Trong năm 2020, Sở đã tiếp nhận, thẩm định hồ sơ phương án, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước hồ chứa thủy điện cho 02 dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh; Đang hoàn thiện Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá, khoanh định hành lang bảo vệ nguồn nước sông nội tỉnh cấp 3, cấp 4, cấp 5 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Nguồn: DWRM

BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Báo cáo về lĩnh vực tài nguyên nước trong 10 tháng đầu năm, Sở TN&MT Bà Rịa - Vũng Tàu đã tiếp nhận 79 hồ sơ về thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, trong đó: đã xử lý 66 hồ sơ, đang xử lý 13 hồ sơ đang trong hạn xử lý.

Về công tác tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, trong 9 tháng đầu năm 2020, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 10 Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước với tổng số tiền là 2.983.917.266 đồng.

Bên cạnh đó, Sở đã tiến hành kiểm tra định kỳ hoạt động tài nguyên nước đối với 07 cơ sở khai thác tài nguyên nước, 08 cơ sở hành nghề khoan nước dưới đất đã được cấp phép trên địa bàn tỉnh và 08 cơ sở xả nước thải vào nguồn nước. Qua kết quả kiểm tra đã nhắc nhở các cơ sở chấp hành các quy

định pháp luật về tài nguyên nước và khắc phục các thiếu sót.

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về tài nguyên nước được quan tâm Trong năm 2020, Sở TN&MT đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị trên tỉnh tổ chức các hoạt động tuyên truyền về Nước thế giới 22/3 và ngày Khí tượng thế giới 23/3; tuyên truyền hướng dẫn các quy định về tổ chức đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh cho cấp huyện, cấp xã vào ngày 29/7/2020.

Trong năm 2020, Sở TN&MT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã hoàn thành 02 dự án vận hành mạng quan trắc tài nguyên nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và huyện Côn Đảo giai đoạn 2018-2019; tiếp tục triển khai vận hành 02 mạng quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2021. Đồng thời, Sở đã tổ chức xây dựng danh mục, bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước

dưới đất và lập phương án tổ chức thực hiện hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh; tổ chức lựa chọn nhà thầu dự án Xác định dòng chảy tối thiểu và đánh giá sức chịu tải của sông, suối ao hồ trên địa bàn tỉnh.

Về nhiệm vụ 2 tháng cuối năm trong lĩnh vực tài nguyên nước, Sở TN&MT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ tiếp tục triển khai vận hành mạng quan trắc tài nguyên nước giai đoạn 2020-2021; hoàn thiện đề cương và dự toán kinh phí dự án Rà soát, điều chỉnh mạng lưới quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện dự án "Xây dựng danh mục, bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và lập phương án tổ chức thực hiện hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh"; Rà soát các quy định về cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước để báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Nguồn: DWRM



Sẽ áp dụng các công nghệ tiên tiến để giải quyết vấn đề nước sinh hoạt cho các vùng đang thiếu nước

Trả lời đại biểu Giang A Chu (Yên Bái) về phương hướng giải quyết nước sinh hoạt cho vùng núi đá nói chung và nhất là tỉnh Hà Giang và vùng hải đảo xa xôi trong thời gian tới, Bộ trưởng Trần Hồng Hà khẳng định: Đây là một vấn đề mà Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm, và đây cũng là một thực trạng rất rõ ràng là tình hình khan hiếm tài nguyên nước ở các khu vực này.

Bộ trưởng cho biết, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy định 1553 năm 2019 để phê duyệt Chương trình điều tra cơ bản tìm kiếm nguồn nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm nước. Trên cơ sở Quy định 1553 này, theo đó chương trình điều tra tìm kiếm nước dưới đất để cung cấp nước sinh hoạt ở các vùng núi cao, vùng khan hiếm sẽ thực hiện trên địa bàn 41 tỉnh, trong đó có Yên Bái và các huyện vùng núi cao ở Hà Giang.

Chương trình này, hiện nay đã được triển khai trên địa bàn 41 tỉnh, với 325 vùng được điều tra đánh giá, trong đó khu vực Bắc Bộ có 147 vùng được đánh giá tại 15 tỉnh và khu vực Bắc Trung Bộ có 32 vùng được điều tra, đánh giá tại 5 tỉnh. Nam Trung Bộ có 48 vùng được điều tra, đánh giá ở 7 tỉnh. 4 tỉnh khu vực miền Tây có 55 vùng được đánh giá, trong đó đã có những điều tra liên quan đến các vùng hải đảo để phục vụ nước cho quân đội cũng như những người dân sinh sống ở đây.

Bộ trưởng cho biết thêm, chương trình có các hợp phần là điều tra, tìm kiếm nguồn nước; sau đó sẽ nghiên cứu có giải pháp công nghệ và chính sách nhằm quản lý, bảo vệ nguồn nước dưới đất, xử lý và cấp nước.

Khi các chương trình này sau khi có kết quả Bộ Tài nguyên và Môi trường lập các bản đồ ở những vùng đặc biệt khan hiếm nước, đồng thời cung cấp các số liệu và bản đồ về nước ngầm, đặc biệt là các tầng nước rất khó khăn cho các địa phương để có thể điều tra, khai thác nước phục vụ nhân dân.



Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng Hà trả lời chất vấn các đại biểu Quốc hội sáng ngày 10/11

“Trong thời gian vừa rồi ở vùng Hà Giang, vùng đồng bào vùng cao đã có nhiều khu vực được cấp nước từ các kết quả của chương trình này rồi. Khu vực hạn hán khan hiếm nước ở miền Tây Nam Bộ, các khu vực dữ liệu này cũng đã được cung cấp và trực tiếp để khai thác nước để phục vụ cho đồng bào.”- Bộ trưởng Trần Hồng Hà chia sẻ.

Bộ trưởng Trần Hồng Hà cũng cho biết, trong thời gian sắp tới, bên cạnh việc nắm chắc số liệu về điều tra cơ bản các vùng nước ngầm để có thể cung cấp nước sinh hoạt cho bà con nhân dân, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ triển khai thêm những dự án áp dụng các công nghệ tiên tiến nhằm có nhiều giải pháp đồng bộ giải quyết vấn đề nước sinh hoạt cho các vùng đang thiếu nước.

Nguồn: MONRE

Lũ lụt, thiên tai không phải lỗi do thủy điện

Phát biểu làm rõ một số nội dung được các đại biểu Quốc hội (ĐBQH) đặt ra tại phiên thảo luận sáng 5/11, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng Hà cho biết, trong những ngày qua đã lắng nghe các ý kiến tâm huyết của các ĐBQH trước thiên tai và hậu quả ở miền Trung. Bộ trưởng chia sẻ với những mất mát của miền Trung, những khó khăn, gian khổ của các lực lượng đang khắc phục hậu quả, tìm kiếm cứu nạn do thiên tai.

Cũng theo Bộ trưởng Trần Hồng Hà, lũ lụt, thiên tai không phải lỗi do thủy điện. Việc điều tiết các hồ chứa trong khu vực nhịp nhàng, chặt chẽ như vừa qua đã làm giảm lũ từ 30 đến 70% cho vùng hạ du. Cùng với đó, các hồ chứa cũng có hiệu quả trong chống hạn.

Bộ trưởng khẳng định, thời gian qua nhiều nơi đã trồng rừng phủ xanh nhiều khu vực. Khi đánh giá về tác hại hay lợi ích của các hồ thủy lợi, thủy điện thì cần phải xem lại từ khâu thiết

kế. Mặc dù các thủy điện miền Trung không có chức năng cắt lũ, nhưng vừa qua đã cắt giảm lũ cho vùng hạ du từ 30 - 70%. Mùa hạn, các hồ chứa ở đây cấp nước cho sản xuất.

Về chuyển đổi mục đích rừng, Bộ trưởng cho biết: nếu không thực hiện thì với dân số 100 triệu, Việt Nam không có không gian để phát triển. Tuy nhiên, phải xác định các khu vực cần giữ là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

Nguồn: DWRM (Tổng hợp)



Báo cáo kết quả giải trình về “An ninh nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt và quản lý an toàn hồ, đập”

Sáng 04/11, dưới sự điều hành của Phó Chủ tịch Quốc hội Phùng Quốc Hiển, Quốc hội tiếp tục thảo luận ở hội trường về tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước. Mở đầu phiên thảo luận, các đại biểu Quốc hội đã xem video clip báo cáo kết quả giải trình về “An ninh nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt và quản lý an toàn hồ, đập”.

TÀI NGUYÊN NƯỚC ĐÔI DÀO NHƯNG VẪN THIẾU NƯỚC SẠCH CHO SẢN XUẤT VÀ SINH HOẠT

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường thì hiện cả nước có khoảng 3.450 sông, suối có chiều dài từ 10km trở lên. Tổng lượng nước mặt trung bình khoảng 840 tỷ m³/năm, trong đó có khoảng 63% lượng nước sản sinh từ ngoài lãnh thổ chảy vào Việt Nam và 37% lượng nước sản sinh trong nội địa. Lượng mưa bình quân khoảng 1.940-1.960mm/năm - thuộc các quốc gia có lượng mưa lớn trên thế giới (tương đương với khoảng 640 tỷ m³), tạo ra nguồn nước mặt dồi dào. Theo đánh giá về cơ bản, trữ lượng nguồn nước của nước ta tương đối phong phú, bảo đảm cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững.

Qua giám sát cũng nhận thấy một số thách thức đối với an ninh nguồn nước như thiếu nước do lượng phân bố không đều theo không gian và thời gian; mùa mưa - lũ thì nước nhiều gây lũ, lụt; mùa khô thì hạn hán, xâm nhập mặn; hệ thống trữ nước, điều tiết, phân phối nước phát huy hiệu quả chưa cao và nhu cầu sử dụng nước ngày càng gia tăng. Thiếu nước còn do nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Theo thống kê, bình quân trong vòng 50 năm qua, nhu cầu nước đã tăng gấp 3 lần. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu nước còn do quản trị nước hạn chế, chưa tích trữ được nước tại chỗ, chưa điều chuyển nước



Đoàn công tác Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường kiểm tra, khảo sát khu vực bờ sông Hồng tại Lào Cai tháng 7/2020

được từ nơi thừa sang nơi thiếu và chưa sử dụng nước tiết kiệm.

Tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và hiện tượng thời tiết cực đoan làm gia tăng các loại hình thiên tai như bão, lũ, mưa lớn, hạn hán, xâm mặn đe dọa nguồn nước ngọt của các sông, nước dưới đất. Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu thì lượng nước mùa khô về không đủ để làm sạch các con

sông, nước mặn xâm nhập sâu vào đất liền (có nơi vào sâu tới 135km) ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất và sinh hoạt. Dự báo đến năm 2030 sẽ có khoảng 45% diện tích tại khu vực này có nguy cơ nhiễm mặn, năng suất lúa sẽ giảm khoảng 9% so với hiện nay...

Ô nhiễm nguồn nước từ các hoạt động sản xuất, sinh hoạt ngày càng gia tăng, có nơi đến mức báo động khi mà tăng dân số, phát triển kinh



tế - xã hội nên gia tăng xả thải nước bị ô nhiễm vào nguồn nước, các sông, suối. Khả năng tiếp cận nguồn nước sạch, an toàn với chi phí hợp lý cho sản xuất, sinh hoạt còn chưa cao, đặc biệt ở địa bàn có điều kiện địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Mặc dù tổng trữ lượng nước bình quân cả nước và các tỉnh tương đối phong phú nhưng một số địa phương vẫn còn khó khăn trong việc tiếp cận nguồn nước sạch, an toàn. Cùng với đó, hiệu quả sử dụng nước thấp, năng lực khai thác công trình thủy lợi còn chưa đáp ứng yêu cầu. Trữ lượng nước của Việt Nam được đánh giá là khá dồi dào nhưng hạ tầng kỹ thuật chưa đảm bảo để tích nước, điều tiết nước, hiệu quả sử dụng nước lại thấp, chưa tiết kiệm, thất thoát nước còn lớn (trong thủy lợi khoảng 30%, trong cấp nước sinh hoạt 25,5%).

Hiện nay, việc quản lý an ninh nguồn nước được thực hiện chủ yếu theo 02 hệ thống pháp luật là pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật về thủy lợi. Bên cạnh đó, việc quản lý này còn được quy định trong pháp luật về lâm nghiệp (trong việc bảo vệ nguồn sinh thủy), pháp luật về bảo vệ môi trường (trong bảo vệ chất lượng nước); pháp luật về phòng, chống thiên tai (hạn chế các tác hại do lũ, bão, mưa, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng và các thiên tai khác do nước gây ra); pháp luật về xây dựng (trong bảo đảm an toàn công trình)...

Tuy nhiên tổ chức thực hiện các quy định pháp luật còn gặp hạn chế như đến nay vẫn chưa có quy hoạch tổng thể tài nguyên nước quốc gia, trong đó có khai thác nước, sử dụng cho các ngành kinh tế. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn nhiều bất cập, thiếu tầm nhìn dài hạn; tính liên kết, liên thông mang tính vùng, khu vực còn nhiều hạn chế.

BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC ĐỂ GIẢI QUYẾT TỔNG THỂ CÁC NHIỆM VỤ VỀ AN NINH NGUỒN NƯỚC CHO TRƯỚC MẮT VÀ 20 - 30 NĂM TỚI

Trước tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu và nhu cầu phát

triển kinh tế - xã hội thì cần nguồn lực lớn để ngăn mặn, giữ ngọt, ngăn nước biển dâng, chống hạn hán, xây dựng hệ thống thủy lợi đảm bảo tưới tiêu cho 45,9% diện tích canh tác còn lại chưa được tưới tiêu; duy tu, bảo dưỡng, duy trì hoạt động cho hơn 86.000 công trình thủy lợi, hàng ngàn công trình cấp nước sạch sinh hoạt... Nguồn lực này lại chủ yếu là NSNN, còn nguồn thu từ người dân, doanh nghiệp là không đáng kể. Do vậy, cần phải có sự đổi mới mạnh mẽ đầu tư tư NSNN cũng như cơ chế thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trong lĩnh vực này thì mới từng bước đáp ứng các nhiệm vụ đặt ra của an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập.

Hiện trên cả nước có 7.570 đập, hồ chứa đã đưa vào vận hành khai thác với tổng dung tích khoảng 70,5 tỷ m³; trong đó, có 429 đập, hồ chứa thủy điện với tổng dung tích khoảng 56 tỷ m³; 7.169 đập, hồ chứa thủy lợi với tổng dung tích trên 14,5 tỷ m³; việc bảo đảm an toàn tuyệt đối cho các hồ đập này, bảo đảm an toàn cho hạ du là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết của các cấp chính quyền, chủ quản lý khai thác và người dân.

Khảo sát thực tế tại 14 tỉnh/thành phố cho thấy, tình trạng công trình bị hư hỏng xuống cấp ngày càng nghiêm trọng, nhiều công trình đầu mối không đủ khả năng chống lũ, nhất là các hồ chứa nhỏ xây dựng cách đây 30-50 năm. Từ năm 2010 đến nay cả nước đã xảy ra 70 sự cố đập, hồ chứa do tác động lớn của thiên tai như mưa lớn nên dòng chảy về hồ vượt tần suất thiết kế; công trình xuống cấp ở hạng mục công trình đầu mối, cống, tràn xả lũ; các cấu kiện xây đúc bị nứt, vỡ suy giảm cường độ chịu lực; đập yếu do mái đập bị sạt lở, bào mòn lâu ngày;...

Mặt khác việc thực thi quy định pháp luật về quản lý an toàn hồ đập còn nhiều hạn chế. Qua giám sát cũng cho thấy một số tồn tại, bất cập đối với quản lý an toàn hồ đập năng lực quản lý vận hành, khai thác hồ,

đập vừa và nhỏ của doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi còn hạn chế. Hiện có trên 4.000 hồ chứa vừa và nhỏ giao cho cấp huyện, cấp xã quản lý trong khi nguồn nhân lực làm công tác quản lý công trình thủy lợi ở địa phương đang thiếu nghiêm trọng. Ở cấp huyện, cán bộ chuyên ngành về thủy lợi còn thiếu, một số huyện chưa có cán bộ chuyên ngành thủy lợi mà thành phần đang là các tổ chức, cá nhân (trưởng xóm) cùng tham gia quản lý công trình thủy lợi.

Phối hợp trong vận hành liên hồ chưa cao chưa đảm bảo hiệu quả. Do mục đích kinh tế nên một số hồ chứa thủy điện tại một số tỉnh chưa tuân thủ theo nguyên tắc vận hành liên hồ chứa, đảm bảo cấp nước hoặc cắt lũ cho vùng hạ du. Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa chủ quản lý hồ và chính quyền địa phương trong thông báo lũ, xả lũ, dẫn đến ngập lụt, gây thiệt hại cho đời sống người dân. Chủ quản lý công trình thủy điện với mục đích chủ yếu là phát điện nên thiếu sự hợp tác trong tiến hành điều tiết nước phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt. Mặt khác, đối với sử dụng nước sông liên tỉnh, do nhu cầu nước các tỉnh khác nhau nên việc điều tiết nước các hồ liên tỉnh còn nhiều khó khăn. Quy định vận hành đơn hồ chứa còn chưa phù hợp với điều kiện nguồn nước, đặc biệt là các hồ chứa thủy điện vừa và nhỏ.

Có sự phân bố không đều hệ thống các công trình hồ, đập dẫn đến các công trình này chỉ phục vụ được một bộ phận lưu vực vùng hạ lưu, một số phần còn lại của hạ lưu thì bị lũ lụt hoặc hạn hán. Qua khảo sát tại các tỉnh thì mới chỉ có một số ít các tỉnh có quy hoạch hệ thống thủy lợi, hồ đập toàn tỉnh dẫn đến hiện tượng xây dựng hồ đập tự phát và không theo quy hoạch, nhiều vùng thừa, nhiều vùng thiếu nước; các quy hoạch chưa có tầm nhìn dài hạn để sẵn sàng ứng phó với tình hình phức tạp về nguồn nước trong tương lai.

Nguồn: DWRM (Tổng hợp)



Lào tiếp tục thông báo “xin giấy phép xây dựng” cho dự án thủy điện thứ bảy trên dòng chính sông Mê Công

Ngay sau khi vừa kết thúc quá trình tham vấn cho Dự án thủy điện dòng chính Luông Phra-bang, và trong lúc Ủy hội sông Mê Công quốc tế mới bắt đầu tiến hành thực hiện tham vấn cho công trình thủy điện Sa-na-kham của Lào, thì Lào mới đây đã tiếp tục thông báo kế hoạch tham vấn cho công trình thủy điện dòng chính Phua Ngòi, là dự án tham vấn thứ ba trong năm 2020 và là công trình thủy điện thứ bảy của Lào cho tới nay.

Dự án thủy điện dòng chính Phua Ngòi của Lào nằm ở huyện Pa-thum-phon, tỉnh Cham-pa-sắc, cách thành phố Pắc-Sế 8km về phía hạ lưu, cách biên giới Lào-Campuchia 140 km và cách Đồng bằng sông Cửu Long (biên giới giữa Việt Nam - Campuchia) khoảng 600 km. Với Chủ đầu tư là Tập đoàn Charoen Energy and Water Asia Co. Ltd của Thái Lan, dự án có công suất thiết kế là 728 MW và sản lượng điện trung bình năm là 3,56 tỷ KWh với mục tiêu chủ yếu xuất khẩu sang

Thái Lan. Công trình dự kiến sẽ được khởi công năm 2022 và hoàn thành, đi vào hoạt động vào năm 2029.

Cũng như các đợt tham vấn trước đây, sau giai đoạn tham vấn đầu tiên ít nhất là 6 tháng, Ủy ban Liên hợp Ủy hội sông Mê Công quốc tế sẽ nhóm họp để xem xét kết quả của các vòng tham vấn quốc gia và vùng và ý kiến chính thức của các quốc gia thành viên nhằm hướng tới thống nhất một Tuyên bố chung của Ủy hội về kết quả tham vấn và các kế hoạch thực hiện tiếp theo.

“Đối với Việt Nam, với vị trí nằm ở cuối nguồn sông Mê Công, Việt Nam không chỉ quan tâm đến tác động tại chỗ của một công trình thủy điện riêng lẻ mà còn cả tác động lũy tích và tác động xuyên biên giới của toàn bộ bậc thang thủy điện trên dòng chính sông Mê Công, các công trình thủy điện dòng nhánh, kết hợp với ảnh hưởng ngày càng tăng của biến đổi khí hậu. Những vấn đề này cần phải được xem xét một cách kỹ lưỡng và khách quan trong quá trình tham vấn nhằm đưa ra

các giải pháp phù hợp để giảm thiểu tác động tiêu cực đến vùng hạ du, bao gồm cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam” - Ông Trương Hồng Tiến, Phó Chánh Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, trưởng Nhóm công tác vùng của Việt Nam nhấn mạnh.

Công trình Phua Ngòi là công trình thủy điện dòng chính cuối cùng của riêng Lào được thông báo cho Ủy hội sông Mê Công quốc tế để tiến hành tham vấn. Trong bậc thang thủy điện dòng chính ở Hạ lưu vực sông Mê Công, ngoài hai công trình Săm Bo và Stung Treng của Campuchia, hiện chỉ còn hai công trình Bản Kúm và Pắc Chom nằm trên biên giới tự nhiên giữa Lào và Thái Lan. Mặc dù liên tiếp đề xuất tiến hành tham vấn vùng cho các dự án thủy điện dòng chính của mình, nhưng hầu hết các công trình nói trên, kể từ công trình Pắc Beng hoàn thành tham vấn năm 2017, được khởi công xây dựng do nhiều lý do khác nhau.

Nguồn: VNMC

Hội nghị các Bộ trưởng Tài chính khu vực về Nước và vệ sinh môi trường

Hội nghị Bộ trưởng Tài chính về chủ đề Vệ sinh và Nước cho Tất cả (SWA) với mục đích tìm ra các giải pháp, đầu tư phù hợp thích ứng với hiện trạng của thế giới trong thời điểm đại dịch covid 19 vẫn đang tiếp tục diễn ra.

Theo đó, vào tháng 11 và tháng 12 năm 2020, SWA sẽ tổ chức ba Hội nghị Bộ trưởng Tài chính Khu vực theo hình thức trực tuyến (FMM), bao gồm: Hội nghị Bộ trưởng Tài chính Châu Phi vào ngày 4 tháng 11 năm 2020; Hội nghị Bộ trưởng Tài chính Mỹ Latinh và Caribe vào ngày 18 tháng 11; Hội nghị

Bộ trưởng Tài chính Châu Á - Thái Bình Dương vào ngày 2 tháng 12.

SWA là một trong những đối tác chính thường xuyên triệu tập, tổ chức các cuộc họp Cấp cao (HLM) của các Bộ trưởng và các đại diện cấp cao khác nhằm thúc đẩy một cuộc đối thoại chính trị cấp cao về chủ đề Nước và Vệ sinh môi trường.

Các cuộc đối thoại này đặc biệt quan trọng hiện nay khi các Chính phủ đang cần các giải pháp để đảm bảo cho nguồn nước, vệ sinh và môi trường đảm bảo cho tất cả mọi người, bao gồm cả các nỗ lực cải thiện nền

kinh tế, hệ thống y tế dự phòng và bảo vệ tất cả người dân khỏi nguy cơ nhiễm COVID-19 cũng như các đại dịch khác ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng trong tương lai.

Các Bộ trưởng Tài chính là những người ra quyết định và lãnh đạo quan trọng trong việc tạo ra và duy trì các liên kết, quan hệ đối tác cần thiết để tích hợp hiệu quả trong quản lý, sử dụng và bảo tồn nguồn nước, đảm bảo nước và vệ sinh môi trường để phục hồi kinh tế cũng như sức khỏe cộng đồng trong sau đại dịch COVID-19.

Nguồn: UN-Water



Kêu gọi thực hiện quyền con người về Nước và Vệ sinh môi trường đối phó với đại dịch Covid-19

Ngày 16 tháng 11, một báo cáo viên đặc biệt về quyền con người đối với nước và vệ sinh an toàn, cùng với 22 đặc phái viên, chuyên gia về nhân quyền, Nước và Vệ sinh môi trường và Y tế của Liên Hợp Quốc đã đưa ra một tuyên bố chung. Tuyên bố ban đầu được công bố bởi Văn phòng Cao ủy Nhân quyền (OHCHR), nhân kỷ niệm Ngày Nhà vệ sinh Thế giới 2020.

Nội dung tuyên bố tập trung vào chủ đề đại dịch Covid-19 và quyền con người với nước và vệ sinh môi trường, cụ thể như sau:

"Năm nay, chúng ta kỷ niệm Ngày Nhà vệ sinh Thế giới trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, điều này nhấn mạnh nhu cầu quan trọng để đảm bảo tiếp cận với nước và vệ sinh, đặc biệt là đối với những người đang sống trong điều kiện sống và môi trường dễ bị tổn thương nhất.

Đối với một số người, chúng ta chỉ đang sống trong "môi trường bình thường mới", với đại dịch COVID-19 bằng cách thay đổi một số thói quen trong sinh hoạt và làm việc. Nhưng đối với nhiều người trên khắp thế giới đang phải sống trong thời kỳ khủng hoảng do hậu quả nghiêm trọng của đại dịch COVID-19. Đặc biệt, đối với nhiều phụ nữ sống trong cảnh nghèo đói, việc không được tiếp cận với nước và vệ sinh khiến họ không chỉ bị khủng hoảng về sinh kế mà còn đối mặt với nhiều mối nguy hiểm cho sức khỏe sinh sản.

Hiện giờ chúng ta đều biết rằng một cách để ngăn ngừa sự lây lan của vi rút là thực hành vệ sinh cá nhân bằng cách rửa tay bằng xà phòng và nước. "Rửa tay thường xuyên" là một thói quen đơn giản hàng ngày của nhiều người nhưng nó lại là một đặc quyền và xa xỉ đối với những người không có đủ nước và dịch vụ vệ sinh thậm chí có những nơi mọi người phải

quyết định sử dụng nước để uống hay dùng nước để rửa tay.

Với tư cách là các chuyên gia nhân quyền của Liên Hợp Quốc, chúng tôi kêu gọi các chính phủ trên thế giới thực hiện hoặc khôi phục chính sách cấm cắt nguồn cấp nước cũng như các nguồn cung cấp cơ bản khác và đảm bảo một lượng tối thiểu nước và các nguồn cung cấp cơ bản thiết yếu khác cho những người đang gặp khó khăn để chi trả cho các dịch vụ nước và vật tư đó".

Thông qua lời kêu gọi chung này được phát động vào Ngày Nhà vệ sinh Thế giới, Văn phòng Cao ủy Nhân quyền kêu gọi các chính phủ, cũng như các chính quyền địa phương và khu vực, trước hết là ngăn chặn việc ngắt kết nối dịch vụ cấp nước cho những người có hoàn cảnh thiếu thốn, dễ bị tổn thương do ảnh hưởng của đại dịch, ưu tiên tiếp cận phổ cập nước và vệ sinh, vì quyền con người.

Nguồn: unwater.org

Công trình "Hệ thống đo mưa tự động cảnh báo mưa lũ và vận hành hồ chứa" đạt giải nhất Giải thưởng Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Việt Nam năm 2019

Ngày 18/11, UBND TP. Đà Nẵng đã tổ chức Tổng kết Hội thi Sáng tạo kỹ thuật thành phố lần thứ 15, Giải thưởng Sáng tạo khoa học và công nghệ Việt Nam năm 2019 và Cuộc thi Sáng tạo dành cho thanh thiếu niên, nhi đồng lần thứ 15.

Giải thưởng Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Việt Nam, TP. Đà Nẵng có 8 công trình tham dự và đã đoạt 1 giải nhất (công trình "Hệ thống đo mưa tự động chuyên dùng cảnh báo mưa lũ và vận hành hồ chứa"), 1 giải nhì, 2 giải ba.

Công trình "Hệ thống đo mưa tự động chuyên dùng cảnh báo mưa lũ và vận hành hồ chứa" Vrain của tác giả Văn Phú Chính và các cộng sự, Công ty cổ phần Tư vấn và Phát triển kỹ thuật Tài nguyên nước. Hệ thống này phục vụ công tác dự báo, cảnh báo mưa lũ và vận hành hiệu quả các hồ chứa dựa trên nền tảng phát triển thiết bị và phần mềm đo mưa tự động có chất lượng, dễ sử dụng, giá thành hợp lý và phù hợp với điều kiện thời tiết Việt Nam. Qua đó phát triển, gia tăng mật độ trạm đo mưa tự động, nhằm tăng



Trao giải cho Cuộc thi sáng tạo dành cho thanh thiếu niên, nhi đồng lần thứ 15

cường được năng lực giám sát thiên tai, giám sát ĐBKH trên phạm vi cả nước.

Nguồn: DWRM (Tổng hợp)

HOW CAN TOILETS HELP FIGHT CLIMATE CHANGE?

www.worldtoiletday.org

Hệ thống vệ sinh an toàn giúp chống lại biến đổi khí hậu

Hệ thống vệ sinh an toàn giúp chống lại biến đổi khí hậu

Ngày Nhà vệ sinh Thế giới 19/11 năm nay được Liên Hợp Quốc lựa chọn chủ đề là “Hệ thống vệ sinh bền vững và Biến đổi Khí hậu” nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của nhà vệ sinh/ hệ thống vệ sinh đối với cuộc sống con người và môi trường. Đồng thời, nâng cao nhận thức của 4,2 tỷ người hiện nay đang sống trong điều kiện không được tiếp cận với hệ thống vệ sinh được quản lý an toàn. Theo đó, các hoạt động của Liên Hợp Quốc hưởng ứng ngày Nhà vệ sinh Thế giới năm 2020 sẽ tập trung nhấn mạnh các hành động thiết thực để giải quyết cuộc khủng hoảng vệ sinh toàn cầu để đạt được Mục tiêu Phát triển Bền vững số 6 “Nước và vệ sinh cho tất cả mọi người vào năm 2030”.

Hiện có 4,2 tỷ người sống trong điều kiện không được tiếp cận với hệ thống vệ sinh an toàn. Thay vào đó, họ thường sử dụng các loại nhà vệ sinh không đảm bảo vệ sinh, không đủ tiêu chuẩn hoặc không có nhà vệ sinh. Chất thải của con người không được xử lý sẽ ra ngoài môi trường và làm lây lan các bệnh tật ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của con người. Hệ thống vệ sinh bền vững, kết hợp với cơ sở vật chất và kiến

thức thực hành vệ sinh tốt là biện pháp bảo vệ vững chắc chống lại đại dịch COVID-19 đang hoành hành hiện tại và các đợt bùng phát dịch bệnh trong tương lai.

Trên toàn cầu hiện nay có khoảng 80% lượng nước thải sinh hoạt thải ra mà không được xử lý hoặc tái sử dụng. Vệ sinh bền vững bắt đầu với một nhà vệ sinh thu gom hiệu quả chất thải của con người trong điều kiện, môi trường an toàn, dễ tiếp cận và cẩn thận. Chất thải

sau đó được lưu trữ trong một bể chứa, được dịch vụ thu gom đổ đi sau đó hoặc vận chuyển đi bằng đường ống dẫn nước thải, chất thải. Giai đoạn tiếp theo là xử lý và thải bỏ an toàn. Có thể tái sử dụng một cách an toàn chất thải của con người giúp tiết kiệm nước, giảm thiểu và thu hồi khí thải nhà kính để sản xuất năng lượng và có thể cung cấp cho nông nghiệp một nguồn nước và chất dinh dưỡng đáng tin cậy.

Nguồn: [worldtoiletday](http://worldtoiletday.org)